

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HOÀNG DƯƠNG VIỆT ANH**

2. Ngày tháng năm sinh: **12-01-1984**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Số nhà 32, đường Tống Phước Phổ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): **Khoa Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng. Số 71, đường Ngũ Hành Sơn, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng**

Điện thoại di động: **0903.506.063**; E-mail: **anhhdv@due.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2006 đến 2007: Giảng viên, Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng;

- Từ năm 2007 đến 2009: học Thạc sĩ ngành Kinh tế (chuyên ngành Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính) tại Trường Đại học Tây Anh (*University of the West of England*), Vương Quốc Anh;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ năm 2009 đến 2010: Giảng viên, Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng;
- Từ năm 2010 đến năm 2014: học NCS Tiến sĩ ngành Kinh tế (Quản lý Kinh tế) tại Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội, Việt Nam;
- Từ 2015 đến 2019: Giảng viên, Trưởng bộ môn, Khoa Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng;
- Từ 2020 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn, Khoa Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng.

* Chức vụ:

- Tổ chức Đảng: Hiện nay: Phó Bí thư Chi bộ Khoa Ngân hàng. Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Chi bộ Khoa Ngân hàng.

- Chính quyền: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

* Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng**

Địa chỉ cơ quan: **71 Ngũ Hành Sơn, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng**

Điện thoại cơ quan: **02363. 847.001**; Email: **anhhdv@due.edu.vn**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 15 tháng 08 năm **2006**, số văn bằng: **C796028** ; ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Tài chính - Tín dụng**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam**.

- Được cấp bằng **ThS** ngày 11 tháng 09 năm **2009**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Trường Đại học Tây Anh (University of the West of England), Bristol, Vương Quốc Anh**.

- Được cấp bằng **TS** ngày 20 tháng 05 năm **2015**; số văn bằng: **004013**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Quản lý Kinh tế**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Học viện Khoa học Xã hội, Việt Nam**.

- Được cấp bằng **TSKH** ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Đà Nẵng**
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: *Tài chính công ty & Quản trị công ty*

Hướng nghiên cứu này của tôi tập trung vào xem xét ảnh hưởng của môi trường thông tin đến các quyết định tài chính công ty và hiệu quả thị trường tài chính. Trong các nghiên cứu của mình, tôi đã cố gắng lồng ghép các mối quan hệ này với các cơ chế quản trị công ty mà thông qua đó môi trường thông tin tác động đến các quyết định tài chính công ty và hiệu quả thị trường tài chính; chẳng hạn, vai trò của cấu trúc quản trị và cơ chế bảo vệ nhà đầu tư đối với quyết định sử dụng đòn bẩy tài chính, phân phối lợi nhuận, thanh khoản cổ phiếu và giá trị công ty. Cá nhân tôi xem đây là một hướng nghiên cứu có nhiều hàm ý chính sách. Hiện nay, vấn đề đáng ngại ở Việt Nam là các công ty đua nhau phát hành trái phiếu nhưng mục đích sử dụng vốn, hiệu quả và thời hạn mà hiệu quả đó có thể được duy trì lại không được giải thích, cam kết và chứng minh một cách rành mạch. Nhà đầu tư quyết định mua trái phiếu của những công ty này sẽ đối mặt với rủi ro mất vốn. Xét trên bình diện vĩ mô, điều này ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư và mức độ minh bạch thông tin, gia tăng sự thiếu bền vững của thị trường chứng khoán.

- Hướng nghiên cứu 2: *Sáp nhập & mua bán (M&A)*

Hướng nghiên cứu thứ hai của tôi tập trung vào ảnh hưởng của rủi ro chính sách và các đặc trưng của các bên có liên quan trong thương vụ M&A đối với quá trình ra quyết định trong thị trường sáp nhập & mua bán. Các nghiên cứu của tôi tập trung giải quyết các câu hỏi như (i) Vai trò của môi trường thể chế và mức độ minh bạch thông tin đối với sự thành bại của các thương vụ M&A; (ii) Phải chăng kết quả của các thương vụ M&A có thể co giãn và có quan hệ trực tiếp với các thuộc tính cấp quốc gia?,... Các nghiên cứu của tôi đã xác nhận tầm quan trọng của môi trường thể chế, minh bạch thông tin và khoảng cách văn hóa quyết định đến động cơ đầu tư và giá trị cộng hưởng thu được trong thương vụ M&A. Tôi cũng phát triển hướng nghiên cứu này bằng cách xem xét ảnh hưởng của những cơ chế đặc biệt, chẳng hạn như các đặc trưng của nhà quản trị (CEO) (như mức độ ngại rủi ro, tuổi, và các vấn đề tư lợi) đến kết quả thương vụ? Tại sao tuổi của CEO lại quan trọng? Phải chăng những CEO trung niên hoặc lớn tuổi ít mạo hiểm và chấp nhận những thương vụ rủi ro thấp? Phải chăng những CEO trẻ tuổi, khao khát thể hiện hơn, sẽ theo đuổi những thương vụ rủi ro cao? Các nghiên cứu của tôi ở hướng này bổ sung thêm những bằng chứng quan trọng về vai trò của cơ chế quản trị công ty nói chung và ảnh hưởng của CEO nói riêng đối với các quyết định tái cấu trúc công ty thông qua quá trình M&A. Tôi coi đây là một hướng nghiên cứu có nhiều hàm ý chính sách quan trọng đối với Việt Nam. Đối với nhiều doanh nghiệp, một chính sách ra đời có thể làm họ đối mặt với nguy cơ phá sản nhanh hơn bất cứ một rủi ro nào đó từ thương trường. Điều đáng sợ nhất với các doanh nghiệp không chỉ đến sự phiền hà của thủ tục hành chính, cơ chế xin cho, mà là rủi ro không lường trước từ thay đổi chính sách. Điều này càng trở nên quan trọng đối với các doanh nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài, gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý nhà đầu tư, làm gia tăng rủi ro và hạn chế dòng vốn quốc tế chảy vào Việt Nam thông qua các thương vụ M&A.

- Hướng nghiên cứu 3: *Tài chính công*

Hướng nghiên cứu cuối cùng này tập trung vào ảnh hưởng của đầu tư công, nợ công và chính sách tài khóa đến đầu tư của các doanh nghiệp nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung. Một quốc gia đang phát triển như Việt Nam luôn cần rất nhiều vốn cho hoạt động đầu tư phát triển. Vay nợ là một công cụ cần thiết để tài trợ vốn, đáp ứng nhu cầu này và khuyến khích phát triển sản xuất. Tuy nhiên, việc lạm dụng vay nợ và lãng phí trong sử dụng tại Việt Nam thời gian qua lại khiến những khoản nợ vay này trở thành gánh nặng, ảnh hưởng xấu hoạt động đầu tư và sự bền vững của nền kinh tế. Nghiên cứu của tôi xem xét ảnh hưởng cả ở góc độ vĩ mô và vi mô nhằm cung cấp những gợi ý để gia tăng sự phối hợp chặt chẽ giữa quản lý nợ công, quản lý ngân sách và quản lý đầu tư công cũng như sự bền vững của chính sách tài khóa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **09** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành **03** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, gồm:
 - + Chủ nhiệm **02** đề tài NCKH cấp Đại học Đà Nẵng (mã cấp Bộ) đã nghiệm thu;
 - + Chủ nhiệm **01** đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu;
 - + Thành viên chủ chốt **01** đề tài NAFOSTED đã nghiệm thu;
 - + Thư ký khoa học **02** đề tài NCKH mã cấp Bộ đã nghiệm thu.
 - + Thư ký khoa học **01** đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu.
- Đang thực hiện **01** đề tài NCKH, gồm:
 - + Chủ nhiệm **01** đề tài NAFOSTED (đã nộp hồ sơ và đang đợi nghiệm thu);
- Đã công bố (số lượng) **56** công trình khoa học (**53** bài báo & **03** báo cáo khoa học), trong đó:
 - + **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (*08* bài thuộc danh mục WoS/SSCI/ESCI xếp hạng Q1-Q2, *01* bài thuộc danh mục Scopus xếp hạng Q3, *01* bài thuộc danh mục Scopus xếp hạng Q4, và *01* bài thuộc danh mục ACI);
 - + **42** bài báo khoa học trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín;
 - + **01** báo cáo khoa học trên hội thảo quốc tế có mã số ISBN; và
 - + **02** báo cáo khoa học trên hội thảo quốc gia có mã số ISBN.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **01** Sách tham khảo và **01** Chương sách (*Book Chapter*), trong đó **01** Chương sách thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu *Chiến sỹ thi đua cấp Bộ* (thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 theo Quyết định số: 326/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt danh hiệu *Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 08* năm liên tục từ 2016 đến 2023.
- Nhận Giấy khen *Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ* trong các năm 2017, 2018, 2019, 2022 của Bí thư Đảng ủy Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng.
- Nhận Giấy khen của Giám đốc ĐH Đà Nẵng *Đạt kết quả xuất sắc về công bố khoa học năm 2022*.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tài chính - Tín dụng tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng và được giữ lại làm giảng viên tại Khoa Tài chính - Ngân hàng từ tháng 04 năm 2007, tham gia đào tạo hai chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng, và được phân công giảng dạy các học phần *Tài chính công* và *Thuế*. Từ năm 2015, tôi được bổ nhiệm làm trưởng bộ môn Tài chính công và sinh hoạt chuyên môn ở Khoa Ngân hàng. Tôi tham gia giảng dạy thêm các học phần chuyên ngành hệ cử nhân cho chương trình Tài chính công (học phần *Thẩm định dự án đầu tư công*, *Lý thuyết thuế*, *Quản lý tài chính công*); đồng thời tham gia giảng dạy cao học học phần *Tài chính công* thuộc chương trình thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng, và tham gia hướng dẫn chương trình Đào tạo sau đại học của Trường. Sau hơn 18 năm công tác, tôi không ngừng tu dưỡng đạo đức và nâng cao trình độ chuyên môn, nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động của Nhà trường và đoàn thể.

* **Về tư tưởng chính trị:** Tôi tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định với đường lối đổi mới của Đảng và mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Tôi không ngừng học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị và đã hoàn thành lớp *trung cấp lý luận chính trị* vào năm 2018. Tôi luôn nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; chính sách và pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục và chính quyền địa phương, của Đại học Đà Nẵng và Nhà trường.

* **Về phẩm chất đạo đức, lối sống:** Tôi luôn rèn luyện và không ngừng học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện lối sống giản dị, thực hành tiết kiệm, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng chí và đồng nghiệp cũng như sinh viên; giữ gìn tư cách, đạo đức, tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên Đảng Cộng sản, chấp hành quy định về những điều đảng viên không được làm; có lối sống trung thực và thẳng thắn; tôn trọng

và tiếp thu ý kiến đóng góp của đồng chí và đồng nghiệp, có tinh thần phê bình và tự phê, chống biểu hiện bè phái và chia rẽ.

* **Về chuyên môn, nghiên cứu khoa học:** Tôi luôn cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực kết nối và tham gia vào mạng lưới khoa học quốc tế thông qua việc tham dự các tọa đàm và hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín; từ đó từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu của bản thân và phối hợp nghiên cứu cùng đồng nghiệp. Trong năm 2020, tôi đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp *giảng viên chính*. Nhiều công trình của tôi được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt là các công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục WoS (SSCI) xếp hạng Q1.

* **Về giảng dạy:** Tôi tham gia giảng dạy cho nhiều đối tượng gồm sinh viên và học viên cao học, từ đại học đến sau đại học. Tôi luôn chấp hành đầy đủ và có trách nhiệm các quy định, quy chế của Bộ, của Đại học Đà Nẵng và của Nhà trường. Tôi luôn nỗ lực cải tiến phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng đối tượng học viên, từ chương trình các học phần, bài giảng, các công cụ hỗ trợ giảng dạy. Tôi luôn chủ động đổi mới cách tiếp cận dạy học theo hướng “lấy người học làm trung tâm”, thúc đẩy học viên hình thành kỹ năng chuyên môn, và có khả năng ứng dụng trong thực tế. Các lớp dạy đều được sinh viên, học viên đánh giá cao.

* **Về công tác khác:** Tôi luôn chủ động tích cực tham gia các hoạt động của Nhà trường như tham gia xây dựng chương trình môn học, tham gia xây dựng dự án, đề án, xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, tham gia tổ chức hội thảo; tư vấn tuyển sinh; hướng dẫn giảng viên tập sự; tham gia tư vấn và tổ chức các cuộc thi học thuật của Khoa và nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số **14** năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp/giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	-	-	2	10	180	315	495/980,1/216
2	2017-2018	-	-	1	9	135	450	630/911,1/216
3	2018-2019	-	-	1	8	225	225	450/946,9/216
4	2019-2020	-	-	1	10	90	180	270/914,7/216
5	2020-2021	-	-	1	8	180	45	225/451,2/216

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp/giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
6	2021-2022	-	-	1	8	135	45	180/373,1/216
7	2022-2023	-	-	1	8	45	180	225/447,3/216
8	2023-2024	-	-	1	5	135	90	225/384,7/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Học ThS ; Tại nước: **Vương Quốc Anh**; Từ năm **2007** đến năm **2009**.

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: **Vương Quốc Anh** năm **2009**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): **Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (Chương trình Chất lượng cao, Chương trình trọng điểm)**

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Thiện Thảo		X	X		2016-2017	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	16/10/2017
2	Nguyễn Thị Thu Trang		X	X		2016-2017	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	29/03/2018
3	Nguyễn Thị Công Viên		X	X		2017-2018	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	29/03/2018
4	Trần Thị Hoài Mi		X	X		2018-2019	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	19/05/2019
5	Lê Nguyễn Ngọc Anh		X	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	15/01/2021
6	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		X	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	15/06/2021
7	Nguyễn Đình Trí		X	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	26/01/2022
8	Võ Thị Thảo		X	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	25/11/2022
9	Trần Thị Quỳnh Trang		X	X		2023-2024	Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	07/12/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Đầu tư công nhằm góp phần phát triển bền	TK	Nhà xuất bản Khoa học xã hội,	1	Chủ biên	Cả sách	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	vùng vùng Trung Bộ		năm 2015				Năng ngày 22 tháng 6 năm 2020
2	Vietnam and the Global Economy: Recent Developments in Vietnamese Business and Finance (Vol 1)	TK	World Scientific Publishing*, năm 2021	4	Đồng tác giả	Chương 1: Test of the Strategic Market-Entry Hypothesis: Evidence from Corporate Governance in Vietnam (trang 3 đến trang 26)	*Chương sách (Book Chapter) thuộc Nhà xuất bản quốc tế có uy tín, ISBN: 978-981-122-714-1

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Chất lượng dự báo rủi ro thị trường chứng khoán của các mô hình Value-at-Risk. Nghiên cứu thực nghiệm trên chỉ số Vn-Index (ĐT)	CN	T2010-04-36, Cấp Cơ sở	12 tháng	11/01/2012 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Ảnh hưởng của rủi ro chính sách và sự phức tạp trong cấu trúc công ty đến quyết định phát hành cổ phiếu bổ sung và kết quả xếp hạng tín nhiệm:	CN	B2021-DN04-02, Cấp ĐH Đà Nẵng	24 tháng	07/03/2024 Xếp loại: Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Nghiên cứu tại thị trường phát triển và hàm ý đối với Việt Nam.		(mã cấp Bộ)		
2	Ảnh hưởng của quản trị công ty đến các quyết định tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (ĐT)	CN	B2018-DN04-07, Cấp ĐH Đà Nẵng (mã cấp Bộ)	24 tháng	03/02/2021 Xếp loại: Xuất sắc
3	Ảnh hưởng của rủi ro chính sách đối với thanh khoản cổ phiếu và quyết định đầu tư công ty trong thị trường mua bán & sáp nhập ở Việt Nam (ĐT)	TK	B2020-DNA-11, cấp Bộ	24 tháng	16/02/2023 Xếp loại: Xuất sắc
4	Nghiên cứu tác động của hệ thống tài chính đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2000-2015 (ĐT)	TK	B2016-DNA-16-TT, Cấp Bộ	24 tháng	15/01/2020 Xếp loại: Đạt
5	Ảnh hưởng của môi trường thông tin và cơ chế quản trị bên ngoài đến các quyết định tài chính và đầu tư công ty (ĐT)	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	502.02-2018.10, đề tài NAFOSTED	24 tháng	31/05/2022 Xếp loại: Đạt
6	Kiểm định tính bền vững của chính sách tài khóa Việt Nam (ĐT)	TK	T2017-04-15, cấp Cơ sở	12 tháng	11/12/2017 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu các yếu tố	2		Tạp chí Kinh tế	-	03	209, 82-	11,

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	kinh tế và thể chế ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam			& Phát triển, ISSN: 1859-0012			94	2014
2	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động mua lại doanh nghiệp tại một số nền kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	2		Tạp chí Phát triển Kinh tế, ISSN: 1859-1116	-	-	281, 76-93	3, 2014
3	Nâng cao hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng, ISSN: 0866-7462	-	-	19, 7-14	10, 2013
4	Hoạt động mua lại doanh nghiệp tại một số nước Đông Nam Á nhìn từ lợi tức cổ phiếu	2		Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973	-	-	581, 58-62	03, 2013
5	Tác động đầu tư công đến tăng trưởng tại vùng Trung Bộ Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	1(416), 64-69	01, 2013
6	Kinh nghiệm đầu tư công Hàn Quốc	2	X	Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, ISSN 0868-2984			10(210), 32-41	10, 2013
7	Domestic and cross-border partial acquisitions: An empirical investigation on target firms in South-East Asian economies	2		Vietnam's Socio-Economic Development, ISSN: 0868-359X	-	-	72,18-31	12, 2012
8	Đánh giá hiệu quả đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền Tệ, ISSN: 1859-2805	-	-	18(363), 37-39	09, 2012
9	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển,	-	-	183(II),	09,

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tư công tại vùng Bắc Trung Bộ			ISSN: 1859-0012			37-42	2012
10	Mô hình hóa dao động bằng mô hình GARCH(1,1): Nghiên cứu thực nghiệm trên danh mục chỉ số VN-Index	2	X	Tạp chí Ngân hàng, ISSN: 0866-7462	-	-	22, 53-58	11, 2011
11	Chất lượng dự báo rủi ro thị trường của các mô hình Value-at-Risk. Nghiên cứu thực nghiệm trên danh mục chỉ số VN-Index	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	02	6(397),19-27	06, 2011
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/SSCI/ESCI và Scopus							
12	Hierarchical complexity and seasoned equity offerings	6	X (Tác giả đầu)	Review of Behavioral Finance, ISSN: 1940-5979	(WoS/ESCI, Q2, IF: 1,9)	-	https://doi.org/10.1108/RBF-03-2024-0058	06, 2024
13	Do prospector firms pay more dividends in times of high policy uncertainty?	4	X (Tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Cogent Business & Management, ISSN: 2331-1975	(WoS/ESCI, Q2, IF: 3,0)	02	11(1) https://doi.org/10.1080/23311975.2024.2332496	03, 2024
14	Lottery mindsets and the cross sectional returns in the Vietnam stock market	4	X (Tác giả đầu)	Global Business & Finance Review, ISSN: 1088-6931	(Scopus, Q4, IF: 0,41)	-	29 https://doi.org/10.17549/gbfr.2024.29.4.134	05, 2024
15	Does managerial tone matter for stock liquidity? Evidence from textual disclosures	6	X (Tác giả liên hệ)	Finance Research Letters, ISSN: 1544-6123	(WoS/SSCI, Q1, IF: 5.596)	09	48, 102917 https://doi.org/10.1016/j.frl.2022.102917	08, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Does media attention lower debt financing? International evidence	5	X (Tác giả liên hệ)	Emerging Markets Finance and Trade, ISSN: 1558-0938	(WoS/SSCI, Q1, IF: 2.315)	01	58(5), 1233-1261 https://doi.org/10.1080/1540496X.2020.1861936	03, 2022
17	Country uncertainty, power distance and payment methods in acquisitions	6	X (Đồng tác giả liên hệ)	European Journal of Finance, ISSN: 1466-4364	(WoS/SSCI, Q1, IF: 1.845)	08	03, 1-31 https://doi.org/10.1080/1351847X.2021.1971731	09, 2021
18	Institutional ownership and commonality in liquidity	4	X (Đồng tác giả liên hệ)	Research in International Business and Finance, ISSN: 0275-5319	(WoS/SSCI, Q1, IF: 4.091)	11	57, 101422 https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2021.101422	10, 2021
19	Monetary consequences of fiscal stress in a game theoretic framework	2		Journal of Central Banking Theory and Practice, ISSN: 1800-9581	(WoS/ESCI, Scopus, Q3)	-	SI, 125-164 https://doi.org/10.2478/jcbtp-2020-0026	07, 2020
20	Cross-country determinants of ownership choices in cross-border acquisitions: Evidence from emerging markets	4		Journal of Multinational Financial Management, ISSN: 1042-444X	(WoS/SSCI, Q2, IF: 3.945)	27	44, 14-35 https://doi.org/10.1016/j.mulfin.2018.01.001	03, 2018
21	Target CEO age, ownership decisions, and takeover outcomes	3		Research in International Business and Finance, ISSN: 0275-5319	(WoS/SSCI, Q1, IF: 4.091)	14	42(C), 769-783 https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2017.07.0	12, 2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
							15	
Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ACI								
22	What drives target status decision in emerging markets acquisitions?	4	X	Journal of Economics and Development, ISSN: 1859-0020	(ACI)	05	23, 203-218	06, 2021
II.3 Tạp chí trong nước								
23	Who cares about your green reputation? Evidence from “Financial watchdogs”	3	X	Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-1531	-	-	22(5), 122-128	05, 2024
24	Nợ công và đầu tư: bằng chứng thực nghiệm tại các nước trên thế giới	2	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN: 1859-1531	-	-	22(2), 32-36	02, 2024
25	Quản lý Ngân sách Nhà nước tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị	2	X	Kinh tế và Dự báo, ISSN: 1859-4972	-	-	01, 35-38	01, 2024
26	Quản trị công ty và giá trị cộng hưởng tạo ra trong các thương vụ sáp nhập và mua bán (M&A) tại Việt Nam	3	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN: 1859-1531	-	-	21(2), 38-43	02, 2023
27	Ảnh hưởng của sự phức tạp công ty đến quyết định phát hành cổ phiếu bổ sung	3	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN: 1859-1531	-	-	20(8), 1-6	8, 2022
28	Minh bạch thể chế và giá trị thương vụ trong thị trường sáp nhập và mua lại xuyên biên giới	4	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	12, 71-83	12, 2022
29	Country-level determinants, takeover locations, and the gains to target firms	3	X	Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-1531	-	-	20(6.1), 69-77	06, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30	Xu hướng mua lại cùng ngành của các công ty công nghệ cao: Bằng chứng đa quốc gia	3		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN: 1859-1531	-	-	20(2), 62-66	02, 2022
31	Tuổi của Giám đốc điều hành và hành vi quản trị lợi nhuận ở Việt Nam	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	7(289), 23-32	07, 2021
32	FDI và Thất nghiệp - Phân tích thực nghiệm tại các quốc gia đang phát triển	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	3(514), 109-116	03, 2021
33	Tuổi của Giám đốc điều hành và rủi ro thị trường: Bằng chứng tại Việt Nam	4		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	9(520), 111-120	09, 2021
34	The impacts of corporate social responsibility practices on firm financial performance: empirical evidence from Asian oil and gas industry	4		Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-1531		-	19,12.1,52-56	12, 2021
35	Tác động của nợ công đến đầu tư của các doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm tại một số nước ASEAN	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	293,67-76	11, 2021
36	Corporate governance and firm performance: An evidence from Vietnamese companies listed on Hanoi stock exchange	3	X	Journal of Science and Technology, ISSN 1859-1531	-	-	18, 4.1, 41-46	04, 2020
37	Giám đốc điều hành và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	12(499), 57-63	12, 2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
38	Quản trị lợi nhuận và quyết định khu vực sáp nhập ở Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	268, 23-32	10, 2019
39	Môi trường thông tin của công ty và hành vi nâng giá cổ phiếu trong thị trường M&A Việt Nam	4		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	9(496), 28-39	09, 2019
40	Nhà đầu tư tổ chức và thanh khoản cổ phiếu	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	2(489), 21-31	02, 2019
41	Quản trị công ty và chính sách năm giữ tiền mặt ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	1(488), 69-79	01, 2019
42	Quản trị công ty và chính sách cổ tức ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	12(258), 12-22	12, 2018
43	Môi trường thể chế và chiến lược đa dạng hóa trong sáp nhập qua biên giới: Bằng chứng từ 41 thị trường mới nổi	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	9(484), 15-25	09, 2018
44	Môi trường thể chế quốc gia và lợi tức cổ phiếu trong các thương vụ sáp nhập và mua lại. Nghiên cứu thực nghiệm tại các quốc gia Đông và Đông Nam Á	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	248,52-61	02, 2018
45	Nhà đầu tư nước ngoài và đồng biến động giá cổ phiếu	3		Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới	-	-	3(251),58-66	03, 2017
46	Kiểm định tính bền vững của chính sách tài	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế,	-	-	5(468), 20-26	05, 2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	khóa Việt Nam			ISSN: 0866-7489				
47	Hiệu quả và mối quan hệ giữa các loại hình đầu tư tại Việt Nam giai đoạn 1990-2015	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	12(475), 19-28	12, 2017
48	Lượng hóa tác động đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Nam Định	3		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	10(473), 60-66	10, 2017
49	Lựa chọn hình thức mua lại trong thị trường M&A ngành ngân hàng Việt Nam	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	235, 22-31	01, 2017
50	Vai trò của đầu tư, công nghệ đến tăng trưởng kinh tế tại vùng Trung Bộ Việt Nam	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	2(453), 73-77	02, 2016
51	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong sự phát triển kinh tế của vùng Trung bộ Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012	-	-	228(II), 44-50	06, 2016
52	Ảnh hưởng của nhà đầu tư nước ngoài đến biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam	3		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489	-	-	9(460), 38-43	09, 2016
53	Kinh nghiệm phát triển và ươm tạo khởi nghiệp tại Anh	4		Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, ISSN 0868-2984	-	-	6(242), 37-47	06, 2016
II.4	HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ QUỐC GIA							
54	Tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu thực nghiệm tại các quốc gia đang phát triển	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia (DCFb, 2020), ISBN: 978-604-84-5312-1	-	-	381-388	07, 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
55	Inflation Threshold And Economic Development In Developing Countries	3		Econometrics and Statistical Methods - Application in Economics and Finance (ESM-AEM 2019), ISBN: 978-604-80-3675-1	-	-	11-24	01, 2019
56	Đo lường và dự báo biến động chứng khoán bằng mô hình ARFIMA: Nghiên cứu thực nghiệm trên danh mục chỉ số VN-INDEX	3	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Thống kê và Tin học ứng dụng (tháng 11), ISBN: 978-604-84-1862-5	-	-	1, 42-51	11, 2016

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **06 bài (số thứ tự từ bài [12] đến [18]).**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng	Ủy viên (Tham gia)	Quyết định số 421/QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 04 năm 2015	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng	
2	Tham gia hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Ngân hàng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng AUN-QA	Trưởng nhóm chuyên trách	Quyết định số 562/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 04 năm 2020	AUN-QA, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Ngân hàng	
3	Tham gia Tổ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	Tham gia	Quyết định số 267/QĐ-ĐHKT ngày 03 tháng 02 năm 2021	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	
4	Tham gia Tổ xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng	Tham gia	Quyết định số 761/QĐ-ĐHKT ngày 17 tháng 05 năm 2021	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hoàng Dương Việt Anh